

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG DO SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 560 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	26 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung do sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Đề điều và Phòng chống thiên tai (01 TTHC)						
1	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đề điều năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Thủy sản (13 TTHC)						
1	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	a) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố mở cảng cá; b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	a) Trường hợp cấp mới: 45 ngày. b) Trường hợp cấp lại/ gia hạn: 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.
4	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 17/2018/NĐ-CP.
5	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.
6	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.
7	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC.
8	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Thủy sản; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	- Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; - Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
10	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	a) Trường hợp đối với hồ sơ thiết kế đóng mới lần đầu: 20 ngày. b) Trường hợp đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi: 10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính.	- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 (thực hiện từ ngày 15/01/2019)	- Luật Thủy sản; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.
12	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
13	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật 18/2017/QH14; - Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (02 TTHC)						
01	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTN ngày 08/10/2015 Quy định về giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ.
02	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	a) Xử lý hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thu hoạch b) Xử lý hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu kiểm soát thu hoạch	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTN.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (02 TTHC)					
	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 1 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư 39/2018/TT-BNNPTNT.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

PHỤ LỤC II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM; ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI; THỦY SẢN; QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN; KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý (Mã TTHC: 3.000501)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 26 ngày.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Kiểm tra hồ sơ, tổ chức thẩm định bằng hình thức gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hoàn thành thẩm định. Trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.	Chi cục Kiểm lâm	19,5 ngày
B3	Ký nháy quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	02 ngày
B4	Ký duyệt quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	03 ngày
B5	Nhận kết quả, vào sổ, số hóa kết quả và chuyển bộ phận trả kết quả.	Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

2. Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites (Mã TTHC: 3.000496)

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu)

- Trong trường hợp không cần xác minh: 03 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	2,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

- Trường hợp phải xác minh: 15 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, gửi hồ sơ cho Cơ quan quản lý CITES Việt Nam để trình Ban Thư ký CITES trong trường hợp cần thiết, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	14,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

b) Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	23,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

d) Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	8,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

3. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (Mã TTHC: 1.004819)

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc

B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	2,5 ngày
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

b) Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, gửi hồ sơ cho Cơ quan quản lý CITES Việt Nam để trình Ban Thư ký CITES trong trường hợp cần thiết, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	14,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

c) Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	23,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

d) Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites	Chi cục Kiểm lâm	8,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

4. Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (Mã TTHC: 1.011470)

a) Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 07 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra hồ sơ, tham mưu hồ sơ phê duyệt nguồn vốn trồng rừng phê duyệt Phương án khai thác lâm sản và trả kết quả cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền hoặc tổ chức, cá nhân được giao khai thác tận dụng đối với diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chi cục Kiểm lâm	4,5 ngày làm việc
B3	Ký nháy hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
B4	Ký duyệt hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc

B5	Nhận kết quả, vào sổ, số hóa kết quả và chuyển bộ phận trả kết quả.	Văn thư Chi cục Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

b) Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 10 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra hồ sơ, tham mưu hồ sơ phê duyệt nguồn vốn trồng rừng phê duyệt Phương án khai thác lâm sản và trả kết quả cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền hoặc tổ chức, cá nhân được giao khai thác tận dụng đối với diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chi cục Kiểm lâm	7,5 ngày làm việc
B3	Ký nháy hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
B4	Ký duyệt hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
B5	Nhận kết quả, vào sổ, số hóa kết quả và chuyển bộ phận trả kết quả.	Văn thư Chi cục Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

5. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (Mã TTHC: 1.000055)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra hồ sơ, tham mưu văn bản lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ rừng được Nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án, Tổng hợp ý kiến, trình ban hành Quyết định. Trường hợp không phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chi cục Kiểm lâm	16 ngày làm việc
B3	Ký nháy hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc
B4	Ký duyệt hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc
B5	Nhận kết quả, vào sổ, số hóa kết quả và chuyển bộ phận trả kết quả.	Văn thư Chi cục Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc
B6	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

6. Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (Mã TTHC: 1.007916)

Đối với TTHC này chỉ xây dựng được quy trình nội bộ thực hiện TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp tỉnh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (do các bước tiếp theo thuộc trách nhiệm thực hiện của Chủ dự án và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra hồ sơ, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét chấp thuận nộp tiền trồng rừng	Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc

	thay thế; phê duyệt phương án trồng rừng thay thế (đối với trường hợp chủ dự án tự thực hiện trồng rừng thay thế) và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh.		
B3	Ký nháy hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc
B4	Ký duyệt hồ sơ phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
B5	Vào sổ, chuyển hồ sơ lên UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
B6	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày làm việc
B7	Xử lý hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
B8	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B9	Văn bản thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B10	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản, trả kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B11	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm phục vụ hành chính công	0

7. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (Mã TTHC: 3.000160)

a) Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, xác minh, phân loại doanh nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	4,5 ngày làm việc

B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0
----	------------------------	--	---

b) Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, xác minh, phân loại doanh nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	12,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

8. Xác nhận bằng kê lâm sản (Mã TTHC: 1.000045)

a) Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Cơ quan Kiểm lâm sở tại xác nhận Bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với trường hợp tổ chức, hộ kinh doanh; xác nhận Sổ theo dõi nuôi đối với chủ cơ sở nuôi động vật rừng xuất bán động vật rừng theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Hạt Kiểm lâm	1,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

b) Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Cơ quan Kiểm lâm sở tại xác minh, xác nhận Bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với trường hợp tổ chức, hộ kinh doanh; xác nhận Sổ theo dõi nuôi đối với chủ cơ sở nuôi động vật rừng xuất bán động vật rừng theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Hạt Kiểm lâm	3,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

c) Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Cơ quan Kiểm lâm sở tại xác minh, xác nhận Bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với trường hợp tổ chức, hộ kinh doanh; xác nhận Sổ theo dõi nuôi đối với chủ cơ sở nuôi động vật rừng xuất bán động vật rừng theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Hạt Kiểm lâm	7,5 ngày làm việc

B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0
----	------------------------	--	---

9. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (Mã TTHC: 1.000047)

Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Hạt Kiểm lâm	5,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

10. Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã TTHC: 1.013644)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật về đề điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, Tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đối với những trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép tham mưu văn bản trả lời	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	13 ngày
B3	Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày
B4	Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày

B5	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B6	Thẩm định dự thảo quyết định	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B7	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Phê duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B9	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B10	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm phục vụ hành chính công.	Văn thư Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	0,5 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

11. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (Mã TTHC: 1.004697)

Thời gian giải quyết TTHC : 10 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở; trường hợp kiểm tra, đánh giá tại cơ sở không đáp ứng điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục; sau khi khắc phục cơ sở có văn bản thông báo đến Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh để tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục (trong trường hợp cần thiết). Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	9,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

12. Công bố mở cảng cá loại 2 (Mã TTHC: 1.004694)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 06 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc
B2	Tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công bố mở cảng cá	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	03 ngày làm việc
B3	Phê duyệt tờ trình trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
B4	Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc
B5	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc
B6	Thẩm định dự thảo quyết định	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B7	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc
B8	Phê duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B9	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày làm việc

B10	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	0,25 ngày làm việc
B11	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

13. Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) (Mã TTHC: 1.004684)

a) Trường hợp cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 45 ngày.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy phép	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	44,5 ngày
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

b) Trường hợp cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy phép	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	14,5 ngày
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

14. Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá (Mã TTHC: 1.004056)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian 02 ngày làm việc tại Sở Tài chính và 02 ngày làm việc tại Kho bạc nhà nước)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt số tiền hỗ trợ cho chủ tàu	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	7,5 ngày làm việc
B3	Phê duyệt tờ trình trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
B4	Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc
B5	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B6	Thẩm định dự thảo quyết định	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	2,5 ngày làm việc
B7	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B8	Phê duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
B9	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc
B10	Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ UBND tỉnh vào sổ thống kê, theo dõi kết quả thực hiện và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	0,5 ngày làm việc
B11	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

15. Xóa đăng ký tàu cá (Mã TTHC: 1.003681)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định giải quyết	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	2,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

16. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (Mã TTHC: 1.003666)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy chứng nhận	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	1,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

17. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Mã TTHC: 1.003634)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy chứng nhận	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	2,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

18. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (Mã TTHC: 1.003586)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy chứng nhận	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	2,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

19. Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Mã TTHC: 1.004359)

a) Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	5,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

b) Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	2,5 ngày làm việc
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0

20. Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển (Mã TTHC: 1.004344)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	2,5 ngày
B3	Trả kết quả giải quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Mã TTHC: 3.000502)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 24 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	01 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày
B3	Tham mưu dự thảo quyết định Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	17 ngày
B4	Ký nháy quyết định Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	02 ngày
B5	Ký duyệt quyết định Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	02 ngày

B6	Đóng dấu, phát hành Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững	Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0

2.2. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (Mã TTHC: 1.012922)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 05 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày
B3	Tham mưu thành lập đoàn kiểm tra hiện trường và thực hiện kiểm tra xác định nguyên nhân thiệt hại	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	2,5 ngày
B4	Ký nháy biên bản kiểm tra hiện trường	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày
B5	Ký duyệt biên bản kiểm tra hiện trường	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành biên bản kiểm tra hiện trường	Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã	0,5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0

2.3. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Mã TTHC: 1.012531)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày
B3	Tổ chức xác minh hồ sơ, dự thảo văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất và lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	15 ngày
B4	Ký nháy văn bản đề nghị đề nghị hỗ trợ lãi suất.	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản đề nghị đề nghị hỗ trợ lãi suất.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	02 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản đề nghị đề nghị hỗ trợ lãi suất	Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0

2.4. Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (Mã TTHC: 1.011471)

a) Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 07 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày làm việc

B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ soạn thảo văn bản phê duyệt Phương án khai thác hoặc văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện giải quyết)	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	3,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy văn bản phê duyệt Phương án khai thác	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt văn bản phê duyệt Phương án khai thác	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày làm việc
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản phê duyệt Phương án khai thác	Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0

b) Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 10 ngày làm việc.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ soạn thảo văn bản phê duyệt Phương án khai thác hoặc văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện giải quyết)	Chuyên viên Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	6,5 ngày làm việc
B4	Ký nháy văn bản phê duyệt Phương án khai thác	Lãnh đạo Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)	01 ngày làm việc
B5	Ký duyệt văn bản phê duyệt Phương án khai thác	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày làm việc

B6	Đóng dấu, phát hành văn bản phê duyệt Phương án khai thác	Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã	0,5 ngày làm việc
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0
